

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 52/2020/ HSST.

Ngày: 14/02/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Lê Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/HSST ngày 06/01/2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 01 năm 2020; QĐ hoãn phiên tòa số 28/QĐ - HPT ngày 11/02/2020 đối với bị cáo:

Lê Mai H - sinh năm 2000; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 07/12; con ông Lê Mai T và bà Bùi Thị B; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 28/11/2017 bị TAND huyện Nxử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (phạm tội ít nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi và bị cáo đã chấp hành xong hình phạt); Ngày 29/11/2019 bị TAND huyện N xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (hiện bị cáo đang chấp hành án tù ngày 01/10/2019); bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Lê Mạnh C - Sinh năm 1990 (vắng mặt).

Trú tại: Đường M, phường L, thành phố T.

2. Anh Lê Văn L - Sinh năm 1990 (vắng mặt).

Trú tại: Khu phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Hoàng Việt C - Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn A - Sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Trú tại: Đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Mai H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/9/2019 đến ngày 30/9/2019, với mục đích chiếm đoạt tài sản, Lê Mai H đã dùng thủ đoạn lừa dối, thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01h ngày 26/9/2019, Lê Mai H thuê taxi hãng Mai L do anh Lê Mạnh C - sinh năm 1990 ở Đường M, phường L, thành phố T điều khiển từ Đại Lộ Lê Lợi, phường Đ, thành phố T chở về nhà ở xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Khi về đến nơi, H hỏi vay C số tiền 200.000đ nói là đưa cho bố mẹ, anh C đồng ý đưa tiền cho H vay. Sau đó H thuê C chở quay về thành phố T, trên đường đi H thấy anh C có chiếc điện thoại di động OPPO F1S nên nảy sinh chiếm đoạt bán lấy số tiền ăn tiêu. H bảo anh C chở đến khu vực nhà hàng Đ, phường Đ, thành phố T, đến nơi H không trả tiền cước taxi (theo đồng hồ báo là 980.000đ) và số tiền 200.000đ vay trước đó, mà xuống xe giả vờ nói với anh C cho mượn chiếc điện thoại gọi cho bạn vay tiền trả tiền taxi, do tin tưởng nên anh C đã giao chiếc điện thoại cho H. Sau khi nhận được chiếc điện thoại H giả vờ bấm gọi điện thoại và đi vào trong ngõ bỏ đi. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh C, H thuê taxi xuống ngã ba Môi, xã Quảng Tâm vào cửa hàng điện thoại (không xác định được bán với giá 1.300.000đ. Số tiền này H đã chi tiêu gần hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố T định giá chiếc điện thoại di động OPPO F1S trị giá 4.500.000đ. Tổng số tài sản mà H chiếm đoạt của anh C là 5.680.000đ.

Vụ thứ hai: Với thủ đoạn tương tự, khoảng 15h ngày 20/10/2019, Lê Mai H thuê taxi hãng Mai L do anh Lê Văn L - sinh năm 1990 ở Khu phố Ki, phường Q,

thành phố S điều khiển từ BigC xuống phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn rồi quay lên khu vực gần nhà sàn Đ, phường Đ, thành phố T, đến nơi H không trả tiền taxi (theo đồng hồ là 350.000đ) mà giả vờ nói với anh L cho mượn chiếc điện thoại di động Realme gọi cho bạn thân vay tiền trả tiền taxi. Sau khi nhận được điện thoại, H đã bỏ đi vào trong ngõ.

Chiếc điện thoại của anh L, H bán cho cửa hàng điện thoại (không xác định được) ở phố L, phường L, thành phố T với giá 1.200.000đ. Số tiền này H đã chi tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 11/10/2019 của Hội đồng thẩm định giá trong tổ tụng hình sự UBND thành phố T định giá chiếc điện thoại di động Realme trị giá: 4.140.000đ. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt của anh L là: 4.490.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 01h ngày 30/9/2019, Lê Mai H tiếp tục thuê taxi hãng Mai L do Hoàng Việt C - sinh năm 1989 ở xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa điều khiển từ thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa lên khu vực gần nhà sàn Đ, phường Đ, thành phố T, đến nơi H cũng không trả tiền cước taxi (theo đồng hồ báo là 574.000đ Iphone 7plus màu vàng gold) mà nói với anh C cho mượn điện thoại di động gọi cho bạn vay tiền trả tiền cước taxi. Sau khi nhận được điện thoại H bỏ chạy vào trong ngõ.

Chiếc điện thoại của anh Hoàng Việt C, H bán cho Trần Văn A, chủ cửa hàng điện thoại ở đường N, phường T, thành phố T với giá 2.000.000đ. Số tiền này H đã chi tiêu hết.

Ngày 18/10/2019, sau khi biết tài sản là do phạm tội mà có, Trần Văn A đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra và yêu cầu H phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 2.000.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố T định giá chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus màu vàng gold trị giá 7.200.000đ. Tổng giá trị mà H chiếm đoạt của anh C là 7.774.000đ

Ngày 06/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus cho anh Hoàng Việt C.

Về bồi thường dân sự: Anh Lê Mạnh C yêu cầu anh Lê Mai H bồi thường số tiền 5.680.000đ; anh Lê Văn L yêu cầu bồi thường 4.490.000đ; anh Hoàng Việt C yêu cầu bồi thường 574.000đ.

Đối với anh Trần Văn A khi mua chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus không biết là tài sản do Lê Mai H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Cáo trạng số 24/CT - VKS - TPTH ngày 03/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Lê Mai H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 38 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Do có mục đích chiếm đoạt tài sản để cần tiền chi tiêu cá nhân, nên khoảng thời gian từ ngày 26/9/2019 đến ngày 30/9/2019, Lê Mai H đã dùng thủ đoạn gian dối (thuê xe taxi rồi giả vờ hỏi lái xe vay tiền, mượn điện thoại gọi cho người quen) thực hiện 03 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố T, trong đó của anh Lê Mạnh C là 5.680.000đ; của anh Lê Văn L là 4.490.000đ; của anh Hoàng Việt C là 7.774.000đ. Tổng tài sản chiếm đoạt trị giá 17.944.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Mai H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như nội dung bản cáo trạng đã

nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Mai H đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và khung hình phạt áp dụng xét xử đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS.

[3] Trong vụ án này Lê Mai H do có chủ định từ trước nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bằng thủ đoạn gian dối của bị cáo làm cho các người bị hại tin đó là sự thật và tự nguyện giao tài sản, sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo sử dụng chi tiêu cho cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung, cần phải xử lý nghiêm.

[4] Nhân thân bị cáo có 02 lần bị kết án, ngày 28/11/2017 bị cáo bị xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của BLHS thì lần phạm tội này của bị cáo không bị coi là có án tích và đến ngày 29/11/2019 bị cáo bị TAND huyện N xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bản án này bị cáo phạm tội sau xử trước nên cũng không được xác định là tái phạm trong vụ án này. Vì bản án này đã có hiệu lực pháp luật, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của BLHS để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện 03 hành vi phạm tội nên bị cáo cũng phải chịu tình Thanh Hóa iết tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Vì bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, vì lẽ đó cần phải cách ly khỏi xã hội để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa sai phạm. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của các người bị hại, bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Mạnh C số tiền 5.680.000đ; anh Lê Văn L số tiền 4.490.000đ; anh Hoàng Việt C số tiền 574.000đ. Các người bị hại yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên, bị cáo chấp nhận. Xét yêu cầu của các người bị hại là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 585, 589 của BLDS để buộc bị cáo phải trả cho các người bị hại theo yêu cầu trên.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 7plus mà bị cáo H đã chiếm đoạt của anh Hoàng Việt C bán cho Trần Văn A được 2.000.000đ, H đã ăn tiêu hết, sau khi anh

Abiết là tài sản do H phạm tội là bất hợp pháp nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an đã trả lại cho bị hại, nay anh Ayêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 2.000.000đ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Mai H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 38 của BLHS; Điều 136 của BLTTHS; Điều 585; Điều 589 của BLDS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Mai H 02(hai) năm tù. Tổng hợp với 01(một) năm tù tại bản án số 20/2019/HSST ngày 29/11/2019 của TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Mai H phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Mạnh C số tiền 5.680.000đ; anh Lê Văn L số tiền 4.490.000đ; anh Hoàng Việt C số tiền 574.000đ và anh Trần Văn A số tiền 2.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 637.000đ án phí DSST có giá ngạch.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lê Mạnh C, anh Lê Văn L, anh Hoàng Việt C và anh Trần Văn A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bị cáo phải trả lại, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm mức lãi suất chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; các người bị hại;
người liên quan.
- VKSNDTPH;
- Công an TP. T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh